TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/DS-PT
Ngày: 05-01-2018
V/v: Tranh chấp quyền sở hữu tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu

Bà Mai Thị Minh Hồng

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Trâm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thuý Nga - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04, 05 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2017/TLPT-DS ngày 24 tháng 10 năm 2017 tranh chấp về quyền sở hữu tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2017/DS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định bị kháng nghị, kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 92/2017/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty cổ phần B; địa chỉ: Tổ 10, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị C - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty cổ phần B

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị N - Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty cổ phần B (Được uỷ quyền theo văn bản ủy quyền ngày 07-11-2017)

- *Bị đơn*: Bà Vũ Thị Bích T; cư trú tại: Số 19, đường N, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Thị Minh T; cư trú tại: Số 62, đường V, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định (Được uỷ quyền theo văn bản ủy quyền ngày 13-11-2017)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. NLQ1; địa chỉ: Số 623, đường Đ, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Anh D - Chức vụ: Giám đốc của NLQ1

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Mai A - Chức vụ: Trưởng phòng tài chính của NLQ1 (Được uỷ quyền theo văn bản ủy quyền số 15/IMICO/UQ ngày 14-12-2017)

2. NLQ2; địa chỉ: Tháp BIDV, số 35, phố H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Kế T - Chức vụ: Giám đốc - Chi nhánh Bắc Hà Nội (Được uỷ quyền theo văn bản ủy quyền thường xuyên số 8695/QĐ-BIDV ngày 28-10-2016)

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Việt H - Chức vụ: Phó trưởng phòng KHDN1 - Chi nhánh Bắc Hà Nội (Được uỷ quyền theo văn bản ủy quyền số 60/BIDV.BHN-KHDN1 ngày 20-12-2017)

3. NLQ3; địa chỉ: Số 553, Quốc lộ 30, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Thành N - Chức vụ: Giám đốc Ban quản lý dự án

4- NLQ4; cư trú tại: Số 132/491, đường T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

5- NLQ5; sinh năm 2001; cư trú tại: Số 19, đường N, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Vũ Thị Bích T (mẹ đẻ chị NLQ5)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị Bích T: Bà Đỗ Thị Minh T (Được uỷ quyền theo văn bản ủy quyền ngày 13-11-2017)

6. NLQ6 (đã chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của NLQ6:

- NLQ7; cư trú tại: Thôn Thượng Nông, xã Bình Minh, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định

- NLQ8

- NLQ9

Cùng cư trú tại: Khu tập thể 5 tầng, đường N, quận H, thành phố Hà Nội

- NLQ10; cư trú tại: T4 phòng 405, Khu tòa nhà Hatico, phường Y, quận H, Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền của NLQ8, NLQ9, NLQ10: Ông NLQ7 (Được uỷ quyền theo văn bản uỷ quyền ngày 06-12-2017).

- NLQ11; cư trú tại: Xóm Đ, xã Q, huyện Q, Thanh Hóa.

Người đại diện theo uỷ quyền của NLQ11: Ông NLQ7 (Được uỷ quyền theo văn bản uỷ quyền ngày 06-12-2017).

- NLQ12
- NLQ13
- NLQ14

Cùng cư trú tại: Khu 2, phường P, TP T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo uỷ quyền của NLQ12; NLQ13, NLQ14: Ông NLQ7 (Được uỷ quyền theo văn bản uỷ quyền ngày 07-12-2017).

- NLQ15; cư trú tại: Số nhà 2/153, đường M, phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- NLQ16; cư trú tại: Thôn T, xã B, huyện N, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo uỷ quyền của NLQ16: Ông NLQ7 (Được uỷ quyền theo văn bản uỷ quyền ngày 06-12-2017).

- NLQ17; cư trú tại: Thôn Q, xã Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

Người đại diện theo uỷ quyền của NLQ17: Ông NLQ7 (Được uỷ quyền theo văn bản uỷ quyền ngày 06-12-2017)

- Chị NLQ4; cư trú tại: Số 132/491, đường T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- NLQ5; sinh năm 2001; cư trú tại: Số 19, đường N, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- *Người làm chứng*:

1. NLC1; nơi công tác: Công ty cổ phần B

2. NLC2; nơi công tác: Tại NLQ1

- *Viện kiểm sát kháng nghị*: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định

- *Người kháng cáo:* Bà Vũ Thị Bích T là bị đơn và bà Đỗ Thị Minh T là người đại diện theo uỷ quyền của bà Vũ Thị Bích T.

Tại phiên toà: Có mặt bà Trần Thị Ngọc A, bà Đỗ Thị Minh T; vắng mặt bà Vũ Thị Bích T, NLQ4, ông Nguyễn Việt H, bà Nguyễn Thị Mai A, ông Võ Thành N, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của cụ NLQ6 và những người làm chứng gồm: NLC1, NLC2 (đều đã uỷ quyền cho người khác tham gia tố tụng hoặc có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 28-3-2017 của Công ty cổ phần B (sau đây viết tắt là Công ty B) và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án người đại diện theo ủy quyền của Công ty B là bà Trần Thị Ngọc A trình bày: Giữa bà Phạm Thị C là giám đốc của Công ty cổ phần B với ông Nguyễn Văn M (chồng bà Vũ Thị Bích T) có quan hệ bạn bè thân thiết trong nhiều năm. Ông M là công an, hiểu biết pháp

luật nên thường xuyên tư vấn pháp lý cho Công ty B. Nhưng ông M và người thân của ông M không có quan hệ góp vốn, mua cổ phần hay vay nợ với Công ty B hoặc các đối tác kinh tế của Công ty B.

Vào đầu tháng 12-2016, Công ty B có thoả thuận làm nhà thầu phụ cho Công ty cổ phần Đầu tư xây lắp dầu khí I (sau đây viết tắt là Công ty I) trong việc thực hiện công trình Tiểu dự án thủy lợi ADB Đồng Tháp. Quá trình hai Công ty thảo luận các Điều khoản của hợp đồng thì ông Nguyễn Văn M có tham gia tư vấn cho bà C. Vì lý do cá nhân, từ ngày 13-12-2016 đến ngày 22-12-2016 bà Phạm Thị C đi Hàn Quốc. Do vậy bà C đã ký Giấy giới thiệu ngày 12-12-2016 cho ông Nguyễn Văn M đại diện cho giám đốc Công ty B thực hiện làm các thủ tục để bảo lãnh hợp đồng theo thoả thuận giữa Công ty B và NLQ1. Đồng thời, bà C cũng ký sẵn Giấy ủy nhiệm chi của Công ty B và giao cho kế toán của Công ty là NLC1 quản lý.

Ngày 16-12-2016 ông Nguyễn Văn M đã lên Hà Nội gặp đại diện của NLQ1. Sau khi hai bên đã nhất trí các nội dung trong Hợp đồng về việc thi công xây dựng công trình số 02/2016/HĐKT-ĐT/IMICO-BC (qua điện thoại bà C đã biết và đồng ý các Điều khoản trong hợp đồng), Ông M là người ký tắt vào các trang của Hợp đồng, còn đại diện NLQ1 ký và đóng dấu vào hợp đồng. Để đảm bảo cho việc thực hiện hợp đồng, Công ty B đã đồng ý làm thủ tục bảo lãnh cho NLQ1 với chủ đầu tư công trình là NLQ3. Tổng số tiền bảo lãnh cho NLQ1 là 7.283.413.140 đồng (Bảy tỷ hai trăm tám mươi ba triệu bốn trăm mười ba nghìn một trăm bốn mươi đồng) tương ứng 10% giá trị công trình mà NLQ1 trúng thầu.

Để thực hiện việc bảo lãnh nêu trên, ông Nguyễn Văn M và cán bộ của NLQ1 đã đến Ngân hàng thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh Bắc Hà Nội (Sau đây viết tắt là NLQ2). Tại đây, Ông M đã mở tài khoản số 15010000519466 mang tên mình rồi thông báo số tài khoản cho kế toán của Công ty B và yêu cầu chuyển tiền vào tài khoản đó. Sau khi gọi điện, được sự đồng ý của bà Phạm Thị C , kế toán của Công ty B là bà NLC1 đã đến Ngân hàng thương mại cổ phần Q - Chi nhánh Nam Định chuyển số tiền 7.285.000.000 đồng (Bảy tỷ hai trăm tám mươi lăm triệu đồng) từ tài khoản của Công ty B đến tài khoản vừa được mở mang tên ông Minh. Ngay sau đó, Ông M đã rút toàn bộ số tiền 7.285.000.000 đồng để gửi thành Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn mang tên ông Nguyễn Văn M tại NLQ2 và cùng đại diện NLQ1 và NLQ2 làm thủ tục ký Hợp đồng cầm cố tiền gửi có nội dung cầm cố Thẻ tiết kiệm mang tên ông Nguyễn Văn M để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của NLQ1với NLQ2, để NLQ2 phát hành Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho NLQ1với NLQ3 . Các công việc (nói trên) được thực hiện liên tiếp trong cùng ngày 16-12-2016.

Sau khi bà Phạm Thị C về nước đã ký và đóng dấu vào Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 02/2016/HĐKT-ĐT/IMICO-BC ghi ngày 16-12-2016. Hiện Công ty B và NLQ1 đang thi công xây dựng công trình và không xảy ra tranh chấp gì. Đến ngày 30-01-2017 ông Nguyễn Văn M bị đột tử không để lại di chúc. Do vậy Công ty B yêu cầu Tòa án xác định toàn bộ số tiền tiết kiệm và lãi suất của Thẻ tiết kiệm mang tên ông Nguyễn Văn M tại NLQ2 thuộc sở hữu của Công ty B

để Công ty B tiếp tục duy trì việc cầm cố Thẻ tiết kiệm bảo đảm cho việc thực hiện bảo lãnh hợp đồng của NLQ1.

Tại bản tự khai của bà Vũ Thị Bích T nộp cho Tòa án ngày 24-4-2017 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị Bích T và NLQ4 là bà Đỗ Thị Minh T trình bày: Bà Vũ Thị Bích T và ông Nguyễn Văn M, sinh ngày 16-8-1959 kết hôn từ năm 1989, cùng cư trú tại: Số 19, đường N, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định. Ông M trước khi chết là Giám đốc Trung tâm huấn luyện - Công an tỉnh Nam Định. Vợ chồng có các con chung là NLQ4; sinh năm 1990 và NLQ5; sinh năm 2001. Ông M có bố đẻ là NLQ6; mẹ đẻ là cụ Nguyễn Thị L (đã chết năm 2012).

Trong thời gian chung sống, vợ chồng bà T và Ông M có tài sản chung là tiền mặt và các tài sản khác trị giá hàng chục tỷ đồng. Bà T đã giao cho ông M toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt mọi vấn đề liên quan đến tài sản, bản thân bà T không can thiệp bất cứ vấn đề gì về tài sản. Bà T có nghe ông M nói "Đã gửi tiết kiệm mấy tỷ", còn cụ thể gửi ở đâu, từ bao giờ, số tiền bao nhiêu, được sử dụng như thế nào thì bà T không rõ, vì Ông M chết đột ngột vào ngày 30-01-2017. Đối với các mối quan hệ của ông M với Công ty B , ông M với NLQ1 cũng như lý do tại sao ông M lại cầm cố Thẻ tiết kiệm của mình để bảo lãnh cho nghĩa vụ của NLQ1 thì gia đình không biết.

Bà T, NLQ4, NLQ5 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty B vì Thẻ tiết kiệm mang tên ông Nguyễn Văn M tại NLQ2 là tài sản chung của vợ chồng ông M, bà T.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21-4-2017 người đại diện theo ủy quyền của NLQ1 là bà Nguyễn Thị Mai A và quan điểm của NLQ1 tại Công văn số 98/CV-IMICO ngày 19-5-2017 và Công văn số 163/CV-IMICO ngày 13-7-2017 như sau: Năm 2016 NLQ1 trúng thầu Dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu thoát lũ và cung cấp nước tưới tại tỉnh Đồng Tháp, tên gói thầu GMS-2.9, tổng giá trị gói thầu của NLQ1 là 72.834.131.400 đồng. Công ty B là một trong những nhà thầu phụ của NLQ1 trong gói thầu này. Quá trình thương thảo hợp đồng, ban đầu có bà Phạm Thị C là Giám đốc Công ty B cùng với ông Nguyễn Văn M tham gia. Trong buổi làm việc ngày 16-12-2016 thì ông M là người trực tiếp thực hiện đàm phán, ký tắt vào các NLQ4 của Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 02/2016/HĐKT-ĐT/IMICO-BC ghi ngày 16-12-2016 để thi công một phần gói thầu GMS-2.9 tại tỉnh Đồng Tháp. Giá trị gói thầu phụ của Công ty B là 24.193.766.000 đồng. Điều kiện bảo đảm được ghi trong hợp đồng là Công ty B phải có thư bảo lãnh vô điều kiện của Ngân hàng tương ứng 5% giá trị của hợp đồng. Tuy nhiên, giữa NLQ1 và Công ty B đã có thỏa thuận miệng ngoài hợp đồng là Công ty B sẽ chịu trách nhiệm đứng ra ký quỹ bảo lãnh với NLQ2 để NLQ2 phát hành thư bảo lãnh cho toàn bộ nghĩa vụ bảo lãnh của NLQ1 với NLQ3.

Xuất phát từ nội dung hai bên đã thoả thuận và trên cơ sở Giấy giới thiệu của Công ty B cho ông Nguyễn Văn M thực hiện các công việc để làm thủ tục bảo lãnh hợp đồng, NLQ1 đã cử bà Nguyễn Thị Mai A là cán bộ của NLQ1 đi cùng ông M đến NLQ2. Tại đây, ông M đã làm thủ tục mở tài khoản và thông báo số tài

khoản cho kế toán Công ty B . Sau khi Công ty B thực hiện việc chuyển tiền cho ông M vào tài khoản vừa mở thì ông M rút luôn toàn bộ số tiền 7.285.000.000 đồng để đưa vào Thẻ tiết kiệm. Tiếp theo ông M làm thủ tục cầm cố Thẻ tiết kiệm đó cho NLQ2 và cùng với đại diện NLQ1 ký các thủ tục bảo lãnh để NLQ2 phát hành thư bảo lãnh cho NLQ1 với chủ đầu tư là NLQ3. Tất cả mọi hoạt động nói trên đều thực hiện liên tục trong ngày 16-12-2016 và đều có sự chỉ đạo, đồng ý của bà Phạm Thị C thông qua liên lạc bằng điện thoại.

NLQ1 xác định mục đích việc ông M cầm cố Thẻ tiết kiệm cho NLQ2 để NLQ2 phát hành bảo lãnh cho nghĩa vụ của NLQ1 với NLQ3 là việc thực hiện thỏa thuận bảo lãnh hợp đồng của Công ty B với NLQ1. NLQ1 yêu cầu tiếp tục duy trì việc sử dụng Thẻ tiết kiệm cầm cố cho NLQ2 để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh giữa Công ty B , NLQ1 với NLQ3 cho đến khi kết thúc hợp đồng giữa các bên.

Tại bản tự khai ngày 19-4-2017 ông Nguyễn Việt H là người đại diện theo ủy quyền của NLQ2 trình bày: Ngày 16-12-2016, ông Nguyễn Văn M (sinh ngày 16-8-1959, số Chứng minh nhân dân 163203007) đã đến NLQ2 mở tài khoản số 15010000519466 mang tên ông Minh. Đến 10 giờ 48 phút cùng ngày, tài khoản của ông M nhận được số tiền 7.285.000.000 đồng do Công ty B chuyển đến. Đến 11 giờ 14 phút cùng ngày, Ông M đã đề nghị chuyển toàn bộ số tiền trên từ tài khoản thanh toán sang Thẻ tiết kiệm số AAB2354061 mang tên ông Nguyễn Văn M, có kỳ hạn 364 ngày, lãi suất 6,9%/năm, lãi suất nhận cuối kỳ.

Trong cùng ngày 16-12-2016, ông Nguyễn Văn M, NLQ1 và NLQ2 đã ký Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 16.12/2016/2142134, theo đó ông M đồng ý dùng toàn bộ tài sản cầm cố là số tiền gốc và lãi của Thẻ tiết kiệm số AAB2354061 để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ của NLQ1 với NLQ2 khi NLQ2 cấp bảo lãnh cho NLQ1 theo Hợp đồng cấp bảo lãnh số 16.12/2016/2142134/HĐCBL. Căn cứ hợp đồng, NLQ2 đã phát hành Bảo lãnh thực hiện hợp đồng số 1610/BL-BIDV.BHN ngày 19-12-2016 đối với NLQ3 ; giá trị bảo lãnh cho NLQ1 không vượt quá giới hạn 7.283.413.140 đồng; thời hạn bảo lãnh kể từ ngày 09-11-2016 đến ngày 09-10-2018. Hiện tại chưa phát sinh vi phạm của các bên dẫn đến việc NLQ2 phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh và xử lý tài sản cầm cố.

Ngày 24-02-2017 bà Vũ Thị Bích T đến NLQ2 trình bày là vợ của ông Nguyễn Văn M và thông báo việc ông M đã chết vào ngày 30-01-2017, gửi đơn và một số tài liệu liên quan đề nghị NLQ2 chuyển quyền sở hữu di sản thừa kế là số tiền trong Thẻ tiết kiệm số AAB2354061 sang cho bà T. Ngày 27-02-2017 NLQ2 nhận được Công văn của Công ty B đề nghị tạm dừng các giao dịch có liên quan đến Thẻ tiết kiệm số AAB2354061 vì đang xảy ra tranh chấp. Do vậy, NLQ2 chưa thực hiện bất cứ giao dịch nào khác đối với Thẻ tiết kiệm số AAB2354061.

NLQ2 khẳng định: Thủ tục nhận cầm cố Thẻ tiết kiệm mang tên ông Nguyễn Văn M để phát hành Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho NLQ1 đối với NLQ3 là đúng quy định của pháp luật, NLQ2 có quyền xử lý tài sản cầm cố theo hợp đồng cầm cố tiền gửi đã được ký giữa các bên. Trong thời gian đợi phán quyết của Tòa án, NLQ2 sẽ tạm dừng các giao dịch đối với Thẻ tiết kiệm số

AAB2354061. Sau khi có phán quyết có hiệu lực của Tòa án, NLQ2 đề nghị người được Tòa án xác định kế thừa quyền sở hữu Thẻ tiết kiệm số AAB2354061 đến NLQ2 để hoàn thiện các thủ tục kế thừa quyền và nghĩa vụ của bên bảo đảm trong Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 16.12/2016/2142134.

Tại văn bản số 23/BQL ngày 17-4-2017 NLQ3 trình bày: Ngày 12-10-2016 NLQ3 và Liên danh NLQ1, Công ty cổ phần xây dựng H, Công ty trách nhiệm hữu hạn H có ký hợp đồng thi công gói thầu GMS-2.9 với giá trị trúng thầu là 145.585.364.000 đồng. Trong đó phần trúng thầu của NLQ1 trị giá 72.834.131.400 đồng.

Trong hợp đồng giữa các bên có Điều khoản như sau: "Trong thời hạn 28 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, các bên B phải thực hiện bảo đảm hợp đồng bằng bảo lãnh Ngân hàng vô điều kiện tương đương với giá trị 10% hợp đồng". Như vậy, NLQ1 phải thực hiện bảo đảm tương ứng với số tiền 7.283.413.140 đồng. Sau đó, phía NLQ1 đã chậm thực hiện việc bảo lãnh hợp đồng. Sau nhiều lần thông báo, ngày 13-12-2016 NLQ3 đã có Công văn số 69/CV-BQL xác định NLQ1 đã trễ hạn bảo lãnh 33 ngày và yêu cầu NLQ1 phải thực hiện ngay việc bảo lãnh hợp đồng. Đến ngày 19-12-2016 NLQ1 được NLQ2 phát hành thư bảo lãnh với số tiền 7.283.413.140 đồng. Nên, ngày 06-01-2017 công trình đã được khởi công. NLQ3 yêu cầu việc bảo lãnh thực hiện hợp đồng gói thầu GMS-2.9 của NLQ1 phải được duy trì đến khi kết thúc hợp đồng. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25-4-2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là NLQ6 trình bày: Ông Nguyễn Văn M là con trai cụ và cụ Nguyễn Thị L. Cụ L đã chết năm 2012. Khi còn sống Ông M có tài sản gì thì NLQ6 không biết. NLQ6 cũng không biết gì về việc ông M có sổ tiết kiệm tại NLQ2 và không biết về việc tranh chấp giữa Công ty B với bà Vũ Thị Bích T. Tuy nhiên, nếu Tòa án xác định số tiền đang có tranh chấp trong Thẻ tiết kiệm mang tên ông Nguyễn Văn M là thuộc sở hữu của ông M thì NLQ6 cũng yêu cầu được hưởng thừa kế.

Từ nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2017/DS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân (Sau đây viết tắt là TAND) thành phố Nam Định đã quyết định:

Căn cứ các Điều 581, 582, khoản 5 Điều 584, khoản 2 Điều 585, khoản 4 Điều 589 Bộ luật Dân sự (Sau đây viết tắt là BLDS) năm 2005; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS) năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần B;

Xác định số tiền tiết kiệm 7.285.000.000 đồng (Bảy tỷ hai trăm tám mươi lăm triệu) và lãi suất của Thẻ tiết kiệm số AAB2354061 tại NLQ2 - Chi nhánh Bắc Hà Nội thuộc sở hữu của Công ty cổ phần B;

2. Các vấn đề khác:

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, buộc Công ty cổ phần B và NLQ2 thực hiện các thủ tục chuyển quyền sở hữu số tiền tiết kiệm và lãi suất tại Thẻ tiết kiệm số AAB2354061 sang cho Công ty cổ phần B; thực hiện thủ tục kế thừa quyền và nghĩa vụ của Công ty cổ phần B đối với ông Nguyễn Văn M tại Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 16.12/2016/2142134 ngày 16-12-2016;

Sau khi Công ty cổ phần B thực hiện việc nhận kế thừa quyền và nghĩa vụ tại Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 16.12/2016/2142134 ngày 16-12-2016 thì các Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 16.12/2016/2142134 ngày 16-12-2016, Hợp đồng cấp bảo lãnh số 16.12/2016/2142134/HĐCBL ngày 16-12-2016 và Bảo lãnh thực hiện hợp đồng số 1610/BL-BIDV.BHN ngày 19-12-2016 vẫn có hiệu lực thi hành.

Ngày 08-8-2017 Viện kiểm sát nhân dân (Sau đây viết tắt là VKSND) tỉnh Nam Định có Quyết định kháng nghị số 03/QĐKNPT-VKS-DS với nội dung: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện và quan hệ pháp luật là tranh chấp quyền sở hữu tài sản thì án phí dân sự không có giá ngạch. Bản án sơ thẩm buộc bà T phải nộp 115.285.000đ là không đúng quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016. Về nội dung: Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty B là thiếu cơ sở vững chắc vì chưa có tài liệu nào khẳng định tiền Công ty B chuyển cho ông M để làm thủ tục bảo lãnh, ông M không phải là thành viên của Công ty, chưa có tài liệu nào chứng minh việc ông M "Làm giúp" có công hay không. Giữa ông M và Công ty B không có văn bản uỷ quyền, không có thoả thuận gì về việc thực hiện bảo lãnh. NLQ1 với ông M cũng không có văn bản thể hiện được sự đồng ý của Công ty B trong việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh để thực hiện hợp đồng đối với NLQ3, liệu còn có hợp đồng nào, có thoả thuận nào giữa Công ty B và ông M hay không. Bản án xác định số tiền hơn 7 tỷ đang đứng tên ông M thuộc sở hữu của Công ty B chỉ dựa trên "Suy đoán" không có đầy đủ cơ sở xác thực, cần xem xét làm rõ để quyết định cho phù hợp.

Ngày 31-7-2017 bà Vũ Thị Bích T là bị đơn trong vụ án có đơn kháng cáo với nội dung: Không nhất trí với Bản án sơ thẩm vì đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp sở hữu là không đúng theo đơn khởi kiện của Công ty B , đã buộc bà phải có nghĩa vụ chuyển giao nghĩa vụ tài sản của chồng bà để lại thừa kế trả cho Công ty B số tiền 7.285.000.000đ trong sổ tiết kiệm của chồng bà là không đúng. Không nhất trí việc Toà án xác định bà là bị đơn, các con bà là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Theo bản án bà phải chịu án phí 115.285.000đ là không chính xác. Công ty B khai chồng bà có tham gia tư vấn, có sự tin tưởng nhau. Trong khi chồng bà là cán bộ Công an tỉnh, Công ty B là Công ty độc lập, tại sao vì mục đích gì lại nói uỷ quyền cho chồng bà làm thực hiện bảo lãnh hợp đồng. Thực tế chồng bà đã bảo lãnh và cầm cố tiền gửi tại Ngân hàng trên sổ tiết kiệm đứng tên chồng bà mà Ngân hàng khẳng định thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chồng bà mới đủ điều kiện để bảo đảm làm nghĩa vụ bảo lãnh. Vẫn còn nhiều uẩn khúc chưa được làm sáng tỏ đó là, nếu như chồng bà góp vốn hoặc cho Công ty B vay tiền để làm ăn, việc Công ty B chuyển tiền qua tài khoản là để trả nợ cho chồng bà hay tiền lợi ích của chồng bà mà Công ty B lợi dụng cái chết đột ngột của

chồng bà để chiếm đoạt thì sao. Bà không thấy có bút tích của chồng bà nhận uỷ quyền của Công ty B . Bản án lại xác định giữa chồng bà và Công ty B có hợp đồng uỷ quyền là không đúng. Những người làm chứng từ thời điểm chồng bà làm việc với NLQ1 lại không được Toà mời đến để tham gia vụ án ngay từ ban đầu, cho nên nhiều tình tiết chưa được làm sáng tỏ. Vì vậy, đề nghị huỷ bản án sơ thẩm giải quyết lại để đảm bảo quyền lợi cho gia đình bà.

Ngày 28-7-2017 bà Đỗ Thị Minh T là người đại diện theo uỷ quyền của bà T là bị đơn và chị NLQ4 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn kháng cáo với nội dung: Không nhất trí với bản án sơ thẩm vì yêu cầu khởi kiện đòi xác định số tiền tiết kiệm và lãi suất trong thẻ tiết kiệm mang tên ông M, hiện vẫn đang duy trì việc cầm cố để bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho NLQ1, thời hạn bảo lãnh hợp đồng đến 19-10-2018. Do vậy, nguyên đơn chưa có đủ điều kiện để khởi kiện đòi xác định quyền sở hữu trong thời điểm này. Toà án cấp sơ thẩm xác định không chính xác quan hệ pháp luật, về tư cách tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ không đúng, trình tự thủ tục diễn biến tại phiên toà không đúng quy định. Bản án không căn cứ đầy đủ các chứng cứ, yêu cầu của bị đơn tại phiên toà. Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã áp dụng sai pháp luật, nhận định đánh giá chứng cứ phiến diện không đầy đủ dẫn đến quyết định không khách quan, án phí không đúng, đề nghị huỷ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Cấp sơ thẩm xác định không đúng quan hệ pháp luật và tư cách người tham gia tố tụng của bà T, chị NLQ4, NLQ5. NLC1 là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty B nên vừa là nguyên đơn, vừa là người làm chứng. Toà án chưa thu thập được chứng cứ là lời khai của ông Nguyễn Đức N, còn lời khai của ông NLC2 là cán bộ phòng hành chính nhân sự của NLQ1 lại khai ngày 12-12-2016 đã tiếp nhận Giấy giới thiệu do ông M mang đến và còn xác nhận sau đó ông M tiếp tục đến Công ty tham gia đàm phán hợp đồng là không đúng nhiệm vụ. Giấy giới thiệu mà cấp sơ thẩm xác định là chứng cứ còn có nhiều điểm mâu thuẫn đó là, Giấy giới thiệu ghi ngày 12-12-2016, ghi ông M là cán bộ Công ty B và nội dung "Thay mặt giám đốc nộp tiền làm bảo lãnh". Trong khi trên thực tế Công ty B chuyển tiền vào ngày 16-12-2016, ông M rút tiền, không phải nộp tiền và ông M là Công an, không phải cán bộ Công ty B. Không có căn cứ cho rằng ông M trong Giấy giới thiệu của Công ty B với ông M chồng bà T có Thẻ tiết kiệm trên 7 tỷ tại NLQ2 là cùng một người. Lời khai bà Mai A với tư cách đại diện theo uỷ quyền của NLQ1 vẫn khai không biết về việc ông M tham gia thương thảo hợp đồng là mâu thuẫn với lời khai của ông Dngười đại diện theo pháp luật của NLQ1. Đến nay bị đơn không có ý kiến gì về lời khai của NLQ1 và NLQ2 về việc ông M có tham gia thương thảo hợp đồng, mở tài khoản, rút tiền, gửi tiết kiệm, thực hiện việc cầm cố và bảo lãnh. Nhưng vì ông M đã chết, không để lại bút tích gì nên không có chứng cứ chứng minh, chứ không phải không chứng minh được. Nguồn tiền ông M gửi tiết kiệm là tích cóp của vợ chồng trong suốt gần 30 năm chung sống. Bản án sơ thẩm buộc chuyển quyền sở

hữu tiền trong Thẻ tiết kiệm sang Công ty B nhưng lại tuyên Hợp đồng bảo lãnh vẫn có hiệu lực là mâu thuẫn.

Người đại diện theo uỷ quyền của Công ty cổ phần B trình bày: Do bà Mai A là kế toán của NLQ1 nên khai không biết từ đầu quá trình thương thảo hợp đồng là đúng. Nhưng lại biết rõ những việc làm của ông M trong ngày 16-12-2016 vì bà Mai Ao chính là người đi cùng ông M đến NLQ2 . Khi thương thảo hợp đồng có mặt ông N và ông Dũng, nay ông N không còn làm ở NLQ1 nên không thể liên hệ được, nhưng vẫn còn ông D, ông D đã có lời khai. Tại biên bản họp Hội đồng quản trị đã có nội dung thống nhất giao cho bà C quyết định về việc ký hợp đồng với NLQ1, nên NLC1 khai không biết cụ thể là đúng. Nhưng NLC1 lại là người trực tiếp nhận lệnh của Giám đốc (chứng minh qua list điện thoại), quản lý Giấy uỷ nhiệm chi Giám đốc ký sẵn, trực tiếp chuyển tiền vào tài khoản cho ông M nên phải là người làm chứng là đúng. Việc Giấy giới thiệu ghi ông M là cán bộ Công ty B để tạo niềm tin, không ảnh hưởng đến nội dung của Giấy giới thiệu được thay mặt Giám đốc làm thủ tục bảo lãnh. Việc ghi nộp tiền làm thủ tục bảo lãnh với việc rút tiền do Công ty B chuyển đến làm thủ tục bảo lãnh hoàn toàn không mâu thuẫn. Hiện Công ty B vẫn giữ một niên do NLQ2 giao cho khi nộp tiền mở tài khoản số 15010000519466 đứng tên ông M đã chứng tỏ ông M trong Giấy giới thiệu của Công ty B với ông M đứng tên Thẻ tiết kiệm là một. Giữa ông M và bà C có quan hệ bạn bè thân thiết nhiều năm, tư vấn pháp luật cho bà C khi cần thiết. Ông M cũng đã cùng bà C tham gia thương thảo hợp đồng với NLQ1 để tư vấn pháp luật cho bà C , nên khi bà C có việc phải đi Hàn Quốc đã tin tưởng và uỷ quyền cho Ông M thay mặt Giám đốc làm thủ tục bảo lãnh là đúng. Tuy nhiên, giữa Công ty B và ông M hoàn toàn không có thoả thuận gì về công sức của ông M mà ông M có dự định là sau khi nghỉ hưu sẽ về làm việc cho Công ty B . Khi ông M mất, bà C vì nghĩ đến tình nghĩa đã hứa sẽ có trách nhiệm lo cho tương lai của NLQ5. Đến nay vẫn có quan điểm nếu bà T rút đơn kháng cáo, hoà giải để giữ tình cảm, Công ty B sẽ tự nguyện tặng cho NLQ5 một sổ tiết kiệm trị giá 500.000.000đ, khi nào cháu đủ 18 tuổi được rút để sử dụng. Nếu bà T không nhất trí hoà giải, đề nghị Toà án giải quyết theo pháp luật. Sau này, nếu thiện chí với nhau Công ty B sẽ thực hiện lời hứa đối với NLQ5 theo cách của mình.

Đại diện VKSND tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định của BLTTDS năm 2015. Về quan hệ pháp luật cấp sơ thẩm xác định tranh chấp quyền sở hữu là đúng. Về tư cách tham gia tố tụng do bà T là vợ ông M có quan điểm là tài sản chung vợ chồng, và là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông M, nên xác định là bị đơn, những người thừa kế của ông M xác định là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là đúng. Về nội dung: Căn cứ Giấy giới thiệu của Công ty B , Hợp đồng bảo lãnh, Hợp đồng cầm cố tiền gửi, Hợp đồng thi công công trình xây dựng số 02, lời khai của những người đại diện theo uỷ quyền của NLQ1, NLQ2 xác định Công ty B chuyển tiền cho ông M, ông M thực hiện việc rút tiền, gửi tiết kiệm và cầm cố Thẻ tiết kiệm mang tên mình để làm thủ tục bảo lãnh nghĩa vụ cho NLQ1 là có cơ sở. Phía bị đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh lý do mục đích nào khác. Vì vậy, rút kháng nghị về phần nội dung. Tuy nhiên, xét về mặt

thực tế ông M đã có công sức nhất định, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để đảm bảo quyền lợi cho ông M. Giữ nguyên kháng nghị về phần án phí do quan hệ pháp luật là tranh chấp quyền sở hữu, nên án phí không có giá ngạch, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] NLQ6 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã chết trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, nên cấp phúc thẩm xác định những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của NLQ6 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Các đương sự này đã có lời khai hoặc uỷ quyền cho người khác tham gia tố tụng và đều xin vắng mặt. Nên, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của NLQ6 theo quy định của pháp luật.

[2] Do bà T chỉ ủy quyền cho bà Đỗ Thị Minh T tham gia tố tụng tại TAND thành phố Nam Định, không ủy quyền cho Đỗ Thị Minh T kháng cáo nên kháng cáo của bà Đỗ Thị Minh T là không hợp lệ. Tuy nhiên, xét nguyên nhân một phần do TAND thành phố Nam Định có sai sót là tuyên quyền kháng cáo cho bà Đỗ Thị Minh T vào Bản án, khi bà Đỗ Thị Minh T nộp đơn kháng cáo đã không giải thích, thậm chí còn nhận đơn và thông báo cho bà Đỗ Thị Minh T nộp tạm ứng án phí kháng cáo, nên Hội đồng xét xử vẫn xét nội dung kháng cáo của bà Đỗ Thị Minh T để đảm bảo quyền lợi của các đương sự.

[3] Xét nội dung kháng nghị của VKSND tỉnh Nam Định, kháng cáo của bà T và bà Đỗ Thị Minh T theo thứ tự từ tố tụng đến nội dung và án phí thấy rằng:

[4] Trước hết, đối với nội dung kháng cáo về quan hệ pháp luật: Công ty B khởi kiện yêu cầu xác định số tiền tiết kiệm và lãi suất trong Thẻ tiết kiệm số AAB2354061 mang tên ông Nguyễn Văn M tại NLQ2 thuộc sở hữu của Công ty B và chứng minh nguồn tiền đưa vào Thẻ tiết kiệm đó là do Công ty B chuyển cho ông M. Còn bà Vũ Thị Bích T cho rằng Thẻ tiết kiệm đứng tên ông M được hình thành trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp giữa ông M và bà T nên số tiền trong Thẻ tiết kiệm là sở hữu chung của vợ chồng ông M, bà T. Như vậy, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp quyền sở hữu tài sản" là đúng. Nên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Vũ Thị Bích T và bà Đỗ Thị Minh T về nội dung này.

[5] Đối với kháng cáo về tư cách tham gia tố tụng: Tại khoản 3 Điều 68 BLTTDS năm 2015 quy định: "Bị đơn trong vụ án dân sự là người bị nguyên đơn khởi kiện". Đối chiếu với quy định này, bà Vũ Thị Bích T bị Công ty B khởi kiện, nên cấp sơ thẩm xác định bà T là bị đơn trong vụ án là đúng. Đối với NLQ4, NLQ5, do đối tượng tranh chấp trong vụ án là số tiền trong Thẻ tiết kiệm mang tên ông M. Việc xem xét số tiền trong Thẻ tiết kiệm có thuộc quyền sở hữu của ông M hay không liên quan đến quyền thừa kế của NLQ4 và NLQ5 (con ông M). Nên cấp sơ thẩm xác định NLQ4, NLQ5 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ

án là đúng quy định tại khoản 4 Điều 68 BLTTDS năm 2015. Vì vậy, cũng không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Vũ Thị Bích T và bà Đỗ Thị Minh T về tư cách tham gia tố tụng của bà T, NLQ4 và NLQ5.

[6] Xét quan điểm của người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn cho rằng, NLC1 là thành viên Hội đồng quản trị Công ty B nên vừa là nguyên đơn, vừa là người làm chứng thấy rằng: Tại khoản 2 Điều 68 BLTTDS năm 2015 quy định: "Nguyên đơn trong vụ án dân sự là người khởi kiện" nên nguyên đơn được xác định chính là Công ty B và người đại diện theo pháp luật là bà Phạm Thị C , chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc, chứ không phải là tất cả thành viên Hội đồng quản trị. Do NLC1 trực tiếp nhận lệnh của bà C , quản lý Uỷ nhiệm chi, trực tiếp chuyển tiền vào tài khoản ông M, lời khai của NLC1 phù hợp với các chứng cứ vật chất như Uỷ nhiệm chi, Phiếu báo nợ của Công ty B . Bị đơn cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh lời khai nào của NLC1 không khách quan. Nên, cấp sơ thẩm xác định NLC1 là người làm chứng trong vụ án và xác định lời khai của NLC1 là chứng cứ được thu thập hợp pháp là đúng.

[7] Việc kháng cáo cho rằng những người làm chứng từ thời điểm ông M làm việc với NLQ1 lại không được Toà mời đến để tham gia vụ án ngay từ ban đầu, cho nên nhiều tình tiết chưa được làm sáng tỏ thấy rằng: Theo đề nghị của bị đơn, cấp sơ thẩm đưa NLC2 và ông Nguyễn Đức N vào tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng. Đến nay, NLC2 đã có lời khai thống nhất với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã có lời khai từ trước có trong hồ sơ, các lời khai đều thống nhất không mâu thuẫn. Đối với ông N, do hợp đồng thuê Giám đốc của NLQ1 với ông N đã chấm dứt, ông N đã chuyển công tác không có địa chỉ để liên lạc. Cấp phúc thẩm cũng đã tìm mọi cách nhưng không thể liên lạc được, không thể triệu tập được ông N. Đồng thời, khi ông M tiến hành thương thảo hợp đồng số 02/2016/HĐKT-ĐT/IMICO-BC có mặt cả ông D và ông N, khi đó ông D là Phó giám đốc NLQ1. Nay ông D không chỉ làm chứng mà với tư cách là người đại diện theo pháp luật của NLQ1 đã cung cấp đầy đủ thông tin, hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ khác trong vụ án và chịu trách nhiệm với nội dung cung cấp của mình. Bị đơn cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh lời khai nào của ông D không khách quan, nên cấp phúc thẩm xét thấy không cần thiết đưa ông N vào tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng nữa. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo về nội dung này và yêu cầu hoãn phiên toà của bị đơn để triệu tập ông N.

[8] Đối với quan điểm kháng cáo của bà T, bà Đỗ Thị Minh T về nội dung cho rằng không đủ căn cứ khẳng định có việc Công ty B uỷ quyền cho ông M thực hiện việc bảo lãnh và không có cơ sở khẳng định ông M trong Giấy giới thiệu với ông M đứng tên Thẻ tiết kiệm trên 7 tỷ tại NLQ2 là một người thấy rằng: Trong quá trình thương lượng, ký kết và thực hiện Hợp đồng thi công công trình số 02/2016/HĐKT-ĐT/IMICO-BC giữa Công ty B và NLQ1, bà Phạm Thị C có công việc riêng nên đã xuất cảnh đi Hàn Quốc từ ngày 13-12-2016 đến ngày 22-12-2016. Trong điều kiện đã quá thời hạn thực hiện bảo lãnh 33 ngày, NLQ3 đã nhiều lần thông báo và đã có công văn đôn đốc nhắc nhở số 69 ngày 13-12-2016. Nên, bà

Phạm Thị C đã phải ký Giấy giới thiệu ngày 12-12-2016 đến NLQ1 với nội dung: "Giới thiệu ông Nguyễn Văn M đến quý Công ty thay mặt Giám đốc để thực hiện nộp tiền làm bảo lãnh thực hiện hợp đồng giữa NLQ1 và Ngân hàng B với số tiền là 7.285.000.000đ" (BL 11). Như vậy, từ việc Công ty B cấp Giấy giới thiệu ngày 12-12-2016 cho ông M, cùng với các chứng cứ vật chất xác nhận về việc chuyển tiền đó là Phiếu báo nợ ngày 16-12-2016 (BL 149) ghi: "Công ty B chuyển tiền"; "Người nhận Nguyễn Văn M"; Ủy nhiệm chi ngày 16-12-2016 (BL 148) của Công ty B chuyển tiền đến người hưởng Nguyễn Văn M STK 15010000519466 tại NLQ2 - Chi nhánh Bắc Hà Nội; Hợp đồng thi công xây dựng công trình giữa NLQ1 với Công ty B có chữ ký nháy của ông M vào các trang của Hợp đồng; kết hợp với nội dung xác nhận của NLQ1 và NLQ2 về diễn biến trên thực tế những việc làm liên tiếp của ông M trong ngày 16-12-2016 cụ thể: Tại công văn số 163 ngày 13-7-2017 (BL 236) Người đại diện cho NLQ1 trình bày: "Ông Nguyễn Văn M đã đến NLQ1 làm việc theo Giấy giới thiệu ngày 12-12-2016 và sau đó đi cùng bà Nguyễn Thị Mai A là cán bộ NLQ1 đến NLQ2 mở tài khoản, nhận tiền chuyển đến và lập Thẻ tiết kiệm sau đó cầm cố Thẻ tiết kiệm để bảo lãnh cho NLQ1". Tại công văn số 02 ngày 04-01-2018 NLQ1 tiếp tục khẳng định ông M đến làm việc với NLQ1 là theo Giấy giới thiệu của Công ty B , đã tham gia thương thảo hợp đồng và ký nháy vào các trang của Hợp đồng số 02, ngoài ra không có lý do nào khác. Tại bản tự khai ngày 19-4-2017 (BL 103) Người đại diện cho NLQ2 khai: "Ông Nguyễn Văn M, sinh ngày 16-8-1959, số Chứng minh nhân dân 163203007 đã đến NLQ2 mở tài khoản số 15010000519466 mang tên Nguyễn Văn M, nhận tiền do Công ty B chuyển đến rồi chuyển sang Thẻ tiết kiệm số AAB2354061 để cầm cố cho NLQ2 , bảo lãnh cho nghĩa vụ của NLQ1". Về nguyên tắc khi giao dịch với Ngân hàng phải xuất trình Chứng minh nhân dân. Nên đã có đủ cơ sở kết luận: ông Nguyễn Văn M, sinh ngày 16-8-1959, có số Chứng minh nhân dân 163203007, cư trú tại số nhà 19 đường N, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định, có vợ là bà Vũ Thị Bích T, người đứng tên Thẻ tiết kiệm số AAB2354061 tại NLQ2 với người có tên là Nguyễn Văn M trong Giấy giới thiệu ngày 12-12-2016 của Công ty B đã thực hiện các hoạt động thương thảo hợp đồng với NLQ1 và thực hiện các hoạt động để bảo lãnh cho nghĩa vụ của NLQ1 là cùng một người.

[9] Việc Giấy giới thiệu đóng dấu ngày nhận 12-12-2016, đã được NLC2 Phó phòng hành chính nhân sự NLQ1 và chính NLQ1 đã xác nhận do Hợp đồng số 02 (Nêu trên) được thương thảo trong nhiều ngày, đến ngày 16-12-2016 mới thống nhất được tất cả các nội dung, ông M mới ký nháy vào các trang của Hợp đồng và phía NLQ1 mới ký tên đóng dấu và cùng nhau làm thủ tục bảo lãnh Hợp đồng. Việc nội dung Giấy giới thiệu ghi ngắn gọn "Nộp tiền làm bảo lãnh" với việc phải có thêm động tác rút tiền do Công ty B chuyển đến để làm thủ tục bảo lãnh hoàn toàn không mâu thuẫn.

[10] Giấy giới thiệu ghi ông M là cán bộ Công ty B mục đích tạo sự tin tưởng cho đối tác, không vi phạm điều cấm của pháp luật. Việc thay mặt Giám đốc nộp tiền làm bảo lãnh có thể là bất cứ ai có đủ năng lực hành vi, đủ độ tin cậy, không nhất thiết phải là người trong Công ty, nên Giấy giới thiệu ghi sai chức danh ông M vẫn bảo đảm có giá trị pháp lý.

[11] Mặc dù số tiền làm bảo lãnh nhiều hơn so với số tiền ghi trong hợp đồng số 02 giữa Công ty B và NLQ1, nhưng Công ty B và NLQ1 đều đã xác nhận về việc đã có thoả thuận miệng ngoài hợp đồng là Công ty B sẽ chịu trách nhiệm đứng ra ký quỹ bảo lãnh với NLQ2 để NLQ2 phát hành thư bảo lãnh cho toàn bộ nghĩa vụ bảo lãnh của NLQ1 với NLQ3 .

[12] Điều 581 BLDS năm 2005 về Hợp đồng uỷ quyền quy định: "Hợp đồng uỷ quyền là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên được uỷ quyền có nghĩa vụ thực hiện công việc nhân danh bên uỷ quyền, còn bên uỷ quyền chỉ phải trả thù lao, nếu có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định". Đối chiếu với quy định này cấp sơ thẩm xác định có việc ủy quyền của Công ty B cho ông Nguyễn Văn M làm thủ tục bảo lãnh là đúng. Văn bản ủy quyền được xác định là Giấy giới thiệu ngày 12-12-2016 không có nội dung về thù lao của ông M khi thực hiện công việc được ủy quyền. Bị đơn không chứng minh được có thoả thuận về lợi ích, công sức của ông M. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận quan điểm vị đại diện VKSND tỉnh Nam Định đề nghị xem xét về công sức của ông M.

[13] Việc ông M tự nguyện nhận sự uỷ quyền của Công ty B được chứng minh qua một loạt công việc ông M đã làm đúng theo nội dung Giấy giới thiệu của Công ty B . Theo quy định tại Điều 581 BLDS năm 2005 về hợp đồng uỷ quyền, không nhất thiết người được uỷ quyền phải có bút tích ký nhận uỷ quyền bằng văn bản, nên quan điểm kháng cáo của bà T cho rằng bà không thấy có bút tích của chồng bà nhận uỷ quyền của Công ty B . Bản án lại xác định giữa chồng bà và Công ty B có hợp đồng uỷ quyền là không đúng, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Việc bà Tcho rằng vẫn còn nhiều uẩn khúc chưa được làm sáng tỏ đó là, nếu như ông M góp vốn hoặc cho Công ty B vay tiền để làm ăn, việc Công ty B chuyển tiền qua tài khoản là để trả nợ cho ông M hay tiền lợi ích của ông M mà Công ty B lợi dụng cái chết đột ngột của ông M để chiếm đoạt thấy rằng. Như trên đã phân tích nguồn tiền chuyển vào tài khoản ông M vừa mở trong ngày 16-12-2016 là của Công ty B , phù hợp nội dung Giấy giới thiệu, với thoả thuận nghĩa vụ bảo lãnh thực hiện hợp đồng của Công ty B, với diễn biến các sự kiện xảy ra trong ngày 16-12-2017 liên quan đến ông M thông qua lời khai những người làm chứng. Nếu là trả tiền lợi ích do góp vốn, hay trả nợ thì không cần thiết ông M phải lên tận Hà Nội đến đúng NLQ2 - Chi nhánh Bắc Hà Nội, phải lập tài khoản mới, phải đi cùng bà Mai A là người của NLQ1, số tiền cũng khó có thể trùng khớp với nghĩa vụ bảo lãnh của NLQ1 là 7.285.000.000đ. Việc ký sẵn uỷ nhiệm chi đã được NLC1 xác nhận và không làm thay đổi bản chất nguồn tiền chuyển vào tài khoản ông M là của Công ty B vừa đủ giá trị và đúng với mục đích để ông M thực hiện việc bảo lãnh hợp đồng, không đương sự nào có chứng cứ về mục đích chuyển tiền khác của Công ty B hoặc việc Công ty B có nghĩa vụ trả tiền nào khác cho ông M hoặc NLQ1 có quan hệ khác với ông M. Nên, cấp sơ thẩm đã xác định toàn bộ số tiền gốc và lãi trong Thẻ tiết kiệm số AAB2354061 mang tên ông Nguyễn Văn M tại NLQ2 thuộc sở hữu của Công ty B là đúng, cần giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm đối với nội dung này.

[15] Theo quy định của BLTTDS nghĩa vụ chứng minh thuộc về đương sự, đến nay bị đơn khẳng định không thể cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì nữa. không đưa ra được chứng cứ chứng minh việc Công ty B chuyển tiền cho ông M vào ngày 16-12-2017 là trả tiền góp vốn hay tiền Công ty vay nợ ông Minh, nên không có căn cứ xem xét giải quyết. Nếu bà T đưa ra được chứng cứ về việc ông M có góp vốn, hoặc cho Công ty B vay nợ, hay có việc thoả thuận về công sức, bà T có quyền làm đơn khởi kiện bằng vụ án khác.

[16] Đối với quan điểm kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền của bà T cho rằng số tiền tiết kiệm và lãi suất trong thẻ tiết kiệm mang tên ông M, hiện vẫn đang duy trì việc cầm cố để bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho NLQ1, thời hạn bảo lãnh hợp đồng đến 19-10-2018. Nên, nguyên đơn chưa có đủ điều kiện để khởi kiện đòi xác định quyền sở hữu trong thời điểm này là không đúng. Vì nguyên đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu số tiền trong thẻ tiết kiệm để tiếp tục kế thừa nghĩa vụ cầm cố cho việc bảo lãnh hợp đồng, không phụ thuộc vào thời hạn bảo lãnh hợp đồng còn hay hết. Hiện bên được ủy quyền là ông Nguyễn Văn M đã chết, căn cứ khoản 4 Điều 589 BLDS năm 2005 thì hợp đồng ủy quyền chấm dứt. Vì vậy, cấp sơ thẩm tuyên bố toàn bộ số tiền gốc và lãi trong Thẻ tiết kiệm số AAB2354061 thuộc sở hữu của Công ty B và yêu cầu NLQ2 làm thủ tục chuyển tên sở hữu đối với số tiền nói trên cho Công ty B là đúng. Đồng thời Bản án buộc các đương sự thực hiện thủ tục kế thừa quyền và nghĩa vụ của Công ty Bđối với ông Nguyễn Văn M tại Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 16.12/2016/2142134 ngày 16-12-2016, nên hợp đồng cấp bảo lãnh vẫn có hiệu lực là đúng.

[17] Điều 310 BLTTDS năm 2015 quy định: "Chỉ huỷ án trong trường hợp vi phạm nghiêm trọng tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự". Người kháng cáo không đưa ra được chứng cứ chứng minh việc thu thập chứng cứ của cấp sơ thẩm không đúng, trình tự thủ tục diễn biến tại phiên toà không đúng quy định đến mức vi phạm nghiêm trọng tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, cũng không chỉ ra được Bản án không căn cứ đầy đủ các chứng cứ, yêu cầu của bị đơn tại phiên toà, áp dụng sai pháp luật, nhận định đánh giá chứng cứ phiến diện không đầy đủ dẫn đến quyết định không khách quan cụ thể như thế nào, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo đề nghị huỷ Bản án sơ thẩm của bà T và bà Đỗ Thị Minh T.

[18] Do đã xác định số tiền tiết kiệm tại Thẻ tiết kiệm số AAB2354061 không thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn M nên NLQ6 nay là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của NLQ6 không có quyền thừa kế.

[19] Đối với nội dung kháng nghị và kháng cáo về án phí thấy rằng: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện cũng như quan hệ pháp luật như đã phân tích ở phần trên được xác định là tranh chấp quyền sở hữu tài sản, mà Toà án không xem xét về giá trị, chỉ xem xét quyền sở hữu thuộc về ai theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 thì án phí dân sự không có giá ngạch 300.000đ. Cấp sơ thẩm buộc bà T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 115.285.000đ là không đúng. Nên kháng cáo của bà T, bà Đỗ Thị Minh T và nội dung kháng nghị của VKSND tỉnh Nam Định về án phí được chấp nhận. Bà T

chỉ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch 300.000đ. Do sửa án sơ thẩm nên án phí phúc thẩm người kháng cáo không phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 581, khoản 5 Điều 584, khoản 4 Điều 589 BLDS năm 2005; các khoản 2, 3, 4 Điều 68, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308 BLTTDS năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Vũ Thị Bích T, bà Đỗ Thị Minh T và chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, sửa Bản án sơ thẩm về phần án phí;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần B;

Xác định số tiền tiết kiệm 7.285.000.000 đồng (Bảy tỷ hai trăm tám mươi lăm triệu đồng) và lãi suất của Thẻ tiết kiệm số AAB2354061 tại NLQ2 hiện mang tên ông Nguyễn Văn M thuộc quyền sở hữu của Công ty cổ phần B;

2. Công ty cổ phần B và NLQ2 có nghĩa vụ thực hiện các thủ tục chuyển quyền sở hữu số tiền tiết kiệm và lãi suất tại Thẻ tiết kiệm số AAB2354061 sang cho Công ty cổ phần B đứng tên theo quyết định của Bản án và thực hiện thủ tục kế thừa quyền và nghĩa vụ của Công ty cổ phần B đối với ông Nguyễn Văn M tại Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 16.12/2016/2142134 ngày 16-12-2016;

Sau khi Công ty cổ phần B thực hiện việc nhận kế thừa quyền và nghĩa vụ tại Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 16.12/2016/2142134 ngày 16-12-2016 thì các Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 16.12/2016/2142134 ngày 16-12-2016, Hợp đồng cấp bảo lãnh số 16.12/2016/2142134/HĐCBL ngày 16-12-2016 và Bảo lãnh thực hiện hợp đồng số 1610/BL-BIDV.BHN ngày 19-12-2016 vẫn có hiệu lực thi hành;

3. Án phí: Bà Vũ Thị Bích T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm bà T đã nộp tại Biên lai số 03695 ngày 31-7-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định. Bà T đã nộp đủ án phí;

Hoàn lại cho Công ty cổ phần B số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) tạm ứng án phí Công ty cổ phần B đã nộp tại Biên lai số 03465 ngày 28-3-2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Nam Định.

Hoàn lại cho bà Đỗ Thị Minh T số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm bà Đỗ Thị Minh T đã nộp tại Biên lai số 03694 ngày 31-7-2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Nam Định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND thành phố Nam Định;
- Chi cục THA thành phố Nam Định;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Bạch Tuyết